TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:180/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN THANH TÙNG**
2. Bà **LÊ THỊ LAN**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 429/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 105/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **PHẠM THỊ D,** sinh năm 1981
Địa chỉ: ấp 2, xã TH, huyện CB, tỉnh TG.
Bị đơn:* Anh **BÙI VĂN B, sinh năm 1982
Địa chỉ: ấp 2, xã TH, huyện CB, tỉnh TG.
(Chị D có mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Chị và anh B xác lập quan hệ vợ chồng năm 2002, có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, anh Bình đam mê cờ bạc, anh có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh B.

+ Về con chung : Anh chị có 02 con chung tên Bùi Hữu N, sinh ngày 16/02/2003 và Bùi Thị Huỳnh N, sinh ngày 06/11/2005, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Bùi Văn B đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không cung cấp ý kiến đối với vụ kiện.

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Bùi Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vắng mặt không lý do, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh B là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Phạm Thị D và anh Bùi Văn B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn. Theo lời chị D khai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ thời gian đó đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, anh B đam mê cờ bạc, anh có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2018 đến nay, nay chị xin ly hôn anh B. Còn anh B vắng mặt không lý do, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần thông báo về việc chị D xin ly hôn anh nhưng anh không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị D, đồng thời xem như anh tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và ích lợi của mình. Nhận thấy tình cảm của anh chị đã tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ lại với nhau. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ cũng phù hợp theo đơn xin xác nhận của chị có xác nhận của ban quản lý ấp 2, xã TH ngày 02/7/2019 về tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị và anh B nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị được ly hôn anh B là phù hợp theo điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Bùi Hữu N, sinh ngày 16/02/2003 và Bùi Thị Huỳnh N, sinh ngày 06/11/2005. Tại phiên tòa chị D vẫn giữ yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung. Qua tham khảo ý kiến của 02 con chung cũng có nguyện vọng sống với chị D. Xét thấy từ khi anh chị ly thân 02 con chung do chị D nuôi dưỡng đã ổn định, 02 cháu phát triển tốt bình thường cũng phù hợp theo đơn xin xác nhận do chị D cung cấp có xác nhận của ban quản lý ấp 2, xã TH ngày 02/7/2019 về hiện trạng nuôi 02 con chung của chị D, do vậy hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của 02 cháu nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D xác định đủ khả năng nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ ***Về quan hệ hôn nhân***:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị D.

Cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Bùi Văn B.

2/ ***Về con chung***:

- Tiếp tục giao 02 con chung cháu Bùi Hữu N, sinh ngày 16/02/2003 và Bùi Thị Huỳnh N, sinh ngày 06/11/2005 cho chị D nuôi dưỡng.

Anh Bùi Văn B không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Anh Bùi Văn B được quyền thăm nom 02 con chung theo quy định của pháp luật.

3/ ***Về tài sản chung***: Không có.

4/ ***Về nợ chung***: Không có.

5/ ***Về án phí***:

Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 10458 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB nên xem như chị đã thi hành xong và không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tống đạt bản án hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *UBND xã nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TRUNG TÍNH